BDHP

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BCVT

TRUNG TÂM KHẢO THÍ
VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Thi lần 2 học kỳ I năm học 2021 - 2022

Học phần: Tiếng Anh (Course 2) | **BAS1158** | **Nhóm thi: 04**

Số tín chỉ: 4 **Ngày thi:** 16/4/2022 **Giờ thi:** 08:00

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC (a)	Điểm ED TT (b)	Điểm ED Giấy (c)	Thi giữa học phần (d)	Điểm kỹ năng				Điểm thi cuối HP (e)	Điểm trung bình HP	Ghi chú	Nhóm thi	Học phí
									Nghe	Đọc	Viết	Nói					
Trọng số:					5	10	10	25	20	40	20	20	50				
1	B20DCAT092	Vũ Minh	**Hưng**	D20CQAT04-B	9.0	7.0	4.1	5.0	3	6.4	4	3	4.6	**5.1**		04	
2	B20DCCN451	Nguyễn Hoài	**Nam**	D20CQCN07-B	9.5	7.7	7.7	6.9	7.2	8.8	8	6.5	7.9	**7.7**		04	
3	B20DCCN664	Trần Thanh	**Thế**	D20CQCN04-B	9.0	7.8	7.1	6.7	6.6	5.8	7	6	6.2	**6.7**		04	
4	B20DCKT166	Nguyễn Thị	**Quỳnh**	D20CQKT02-B	10.0	8.4	8.8	6.5	5.6	4.6	5.5	4.5	5.0	**6.3**		10	
5	B20DCAT200	Đoàn Quốc	**Việt**	D20CQAT04-B	9.0	8.0	8.0	4.5	V	V	V	6.5	V	**0.0**	Vắng	10	
6	B20DCCN452	Nguyễn Hoài	**Nam**	D20CQCN08-B	9.0	9.0	9.0	8.5	9.4	9.2	7	7	8.4	**8.6**		13	
7	B20DCPT117	Vũ Hồng	**Lĩnh**	D20CQPT01-B	8.0	8.6	9.7	9.0	8.6	9.4	6.5	7.5	8.3	**8.6**		17	
8	B20DCMR050	Nguyễn Thị Mai	**Giang**	D20CQMR02-B	10.0	9.5	9.0	10.0	5.6	8	7.5	6	7.0	**8.4**		18	
9	B20DCKT080	Nguyễn Thị Thu	**Huyền**	D20ACCA	10.0	9.0	10.0	8.5	7.6	7	7.5	6.5	7.1	**8.1**		18	
10	B20DCCN161	Nguyễn Tùng	**Dương**	D20CQCN05-B	10.0	8.3	8.0	8.4	V	V	V	7	V	**0.0**	Vắng	21	
11	B20DCCN203	Đỗ Luật Trường	**Giang**	D20CQCN11-B	9.5	9.6	8.0	8.0	6.2	4.2	7	5	5.3	**6.9**		24	
12	B20DCMR100	Lê Quốc	**Khánh**	D20CQMR04-B	10.0	9.4	9.5	9.2	7	9.2	7	8.5	8.2	**8.8**		24	
13	B20DCTT090	Đinh Thanh	**Toàn**	D20CQTT02-B	7.0	6.2	7.2	5.0	7.8	9.4	8	6.5	8.2	**7.0**		28	
14	B20DCMR133	Chu Thị Quỳnh	**Nga**	D20CQMR01-B	9.5	7.6	8.0	8.1	5.2	7.6	0	7.5	5.6	**6.9**		34	
15	B20DCVT148	Mai Phúc	**Hiếu**	D20CQQT04-B	9.5	8.2	8.7	6.7	V	V	V	V	V	**0.0**	Vắng	35	
16	B20DCDT162	Dương Quốc	**Phương**	D20CQDT02-B	8.0	6.8	7.2	7.1	8.2	7	4	8	6.8	**7.0**		38	
17	B20DCCN641	Đào Xuân	**Thành**	D20CQCN05-B	6.0	6.2	7.2	6.0	4.4	5.2	4	5	4.8	**5.5**		38	
18	B20DCVT183	Đào Công	**Huy**	D20CQVT07-B	8.5	7.4	9.5	8.4	8.4	5.6	6.5	7	6.6	**7.5**		41	
19	B20DCTT095	Trần Thị Phương	**Thảo**	D20CQTT01-B	9.0	9.0	10.0	9.5	8.6	9	8	8	8.5	**9.0**		46	
20	B20DCVT320	Nguyễn Ngọc	**Tiến**	D20CQVT08-B	7.5	6.0	8.5	6.0	3.4	4.6	6.5	6	5.0	**5.8**		46	
21	B20DCVT133	Đỗ Thanh	**Hà**	D20CQVT05-B	9.0	7.8	6.0	5.0	6	6.4	7	6.5	6.5	**6.3**		52	
22	B20DCTM072	Nguyễn Ngọc	**Quý**	D20CQTM02-B	9.0	6.1	8.2	8.4	4	4.6	7	6.5	5.3	**6.6**		57	
23	B20DCCN730	Nguyễn Vũ Đức	**Việt**	D20CQCN10-B	9.0	9.4	9.6	8.1	4.2	7.6	5	7	6.3	**7.5**		69	

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

CÁN BỘ KHỚP PHÁCH

SỐ 1 **SỐ 2**

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Ngô Thị Minh Thu

Trần Thị Mỹ Hạnh

Ngày thi	Giờ thi
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00
16/4/2022	08:00

Phòng thi	Mã MH	Nhóm thi
70255	BAS1158	04
70255	BAS1158	04
70255	BAS1158	04
70255	BAS1158	10
70255	BAS1158	10
70255	BAS1158	13
70255	BAS1158	17
70255	BAS1158	18
70255	BAS1158	18
70255	BAS1158	21
70255	BAS1158	24
70255	BAS1158	24
70255	BAS1158	28
70255	BAS1158	34
70255	BAS1158	35
70255	BAS1158	38
70255	BAS1158	38
70255	BAS1158	41
70255	BAS1158	46
70255	BAS1158	46
70255	BAS1158	52
70255	BAS1158	57
70255	BAS1158	69